

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Môn học: PĀLI PHÁP CÚ

Bài học ngày 2.6.2022

I. Phẩm Song Đối _ Kệ số 19&20

Duyên sự:

Hai bài kệ pháp cú 19 và 20 này được đức Phật thuyết tại Jetavana thành Sāvatti, do câu chuyện hai vị tỳ kheo bằng hữu.

Tại Sāvatti có hai vị công tử là đôi bạn thân. Họ được nghe đức Phật thuyết pháp rồi cùng nhau đi xuất gia.

Sau năm năm y chỉ thầy tế độ, họ chia tay mỗi người đi theo chí hướng riêng. Một vị chuyên pháp học (*pariyattidhamma*) trở thành vị pháp sư lỗi lạc có đồ chúng đông. Một vị chuyên pháp hành (*patipattidhamma*) thọ trì hạnh đầu đà, tu thiền quán, chứng đắc A la hán, là vị thiên sư tiếp độ nhiều đệ tử.

Thời gian sau đó, vị tỳ kheo thiên sư dắt các đệ tử về Jetavana để đánh lễ bậc Đạo Sư. Nhân dịp ghé qua thăm bạn là vị tỳ kheo pháp sư.

Vị tỳ kheo pháp sư nghĩ rằng bạn mình xuất gia không học pháp, chỉ hành thiền sống ở núi rừng, có lẽ dốt ... nên tỏ thái độ kiêu mạn và khinh thường vị tỳ kheo thiên sư.

Trước hội chúng tỳ kheo, vị pháp sư muốn làm bẽ mặt vị thiên sư nên đưa ra những câu hỏi về kinh điển cho vị thiên sư không trả lời được. Biết được thâm ý của vị tỳ kheo pháp sư và với tâm bi mẫn không để vị pháp sư xuất phạm thánh nhân, đức Phật lập tức xuất hiện giữa hội chúng tỳ kheo này. Ngài nêu ra những câu hỏi liên quan đến sự chứng nghiệm giải thoát.

Vị pháp sư dù thông suốt giáo pháp nhưng chưa tự mình thắng tri nên không thể trả lời những câu hỏi của đức Phật.

Vị tỳ kheo thiên sư vì đã chứng đắc đạo quả giải thoát, nên đã trả lời đức Phật bằng sự kinh nghiệm thực chứng, không khó khăn gì. Đức Phật hài lòng.

Nhân đó đức Phật thuyết hai bài kệ: “*Bahumpi ce sahitaṃ bhāsamāno*, dù nói nhiều kinh điển ..v.v..”

*

Chánh văn: **Bahumpi ce sahitaṃ bhāsamāno
na takkaro hoti naro pamatto
gopo’va gāvo gaṇayaṃ paresaṃ
na bhāgavā sāmāññaṃ hoti**

(dhp 19)

**Appampi ce sahitaṃ bhāsamāno
dhammassa hoti anudhammacārī
rāgañca dosañca pahāya mohaṃ
sammappajāno suvimuttacitto
anupādiyāno idha vā huraṃ vā
sa bhāgavā sāmāññaṃ hoti**

(dhp 20)

*

Thích văn:

bahumpi [hợp âm **bahum api**]

bahum [đổi cách số ít của tính từ **bahu**] nhiều, số lượng nhiều.

api [bất biến từ] dù, mặc dù, cho dù.

ce [hình thức giản lược của giới từ **sace**] nếu, nếu như.

sahitaṃ [đổi cách số ít của danh từ trung tính **sahita**] kinh điển, thánh thư.

bhāsamāno [chủ cách số ít của hiện tại phân từ **bhāsamāna**, do động từ **bhāsati**] nói, thuyết, phát biểu.

na [phủ định từ] không, không có.

takkaro [chủ cách số ít của danh từ nam tính **takkara**, hợp thể *taṃ karotī'ti takkaro*] không làm điều ấy, không áp dụng, không thực hành.

hoti [thì hiện tại ngôi III số ít, động từ **hoti** ($\sqrt{hū} + a$)] là, có. Đây dùng như một trợ động từ.

naro [chủ cách số ít của danh từ nam tính **nara**] người nam, người đàn ông. Dùng trong ngữ cảnh này có nghĩa là con người, hạng người.

pamatto [chủ cách số ít của tính từ **pamatta** quá khứ phân từ của động từ **pamajjati**] giải đãi, dễ dãi, buông lung.

gopo'va [hợp âm **gopo iva**]
gopo [chủ cách số ít của danh từ nam tính **gopa**] người giữ, người chăm nom, người chăn.

gāvo [đổi cách số nhiều của danh từ nam tính **go**] trâu bò, gia súc.

gaṇayam [chủ cách số ít của hiện tại phân từ **gaṇayanta** = **gaṇenta**; động từ cơ bản **gaṇe/ganaya**] đếm, đếm số.

paresaṃ [sở thuộc cách số nhiều của phiếm chỉ đại từ **para**] của những người khác.

bhāgavā [chủ cách số ít của danh tính từ **bhāgavantu**] có phần, hưởng phần, dự phần.

sāmañña [chỉ định cách số ít của danh từ trung tính **sāmañña** (*samaṇa + nya*)] trạng thái sa môn, quả vị sa môn, sa môn vị, sa môn hạnh.

appampi [hợp âm **appaṃ api**]
appaṃ [đổi cách số ít của tính từ **appa**] số ít, ít ỏi.

dhammassa [chỉ định cách số ít của danh từ **dhamma**] pháp, giáo pháp.

anudhammacārī [chủ cách số ít của danh từ hợp thể **anudhammacārī** (*anudhamma + cārī*)] người hành thuận pháp, hành tuần tự, thực hành nghiêm túc.

rāgañca (*rāgaṃ ca*)
rāgaṃ [đổi cách số ít của danh từ nam tính **rāga**] tham ái, ái tình.

dosañca (dosaṃ ca)

dosaṃ [đổi cách số ít của danh từ nam tính **dosa**] sân, sân hận.

pahāya [bất biến quá quá phân từ của động từ **pajahati** (pa + √hā)] sau khi từ bỏ, sau khi đoạn trừ, đã từ bỏ, đã đoạn trừ.

mohaṃ [đổi cách số ít của danh từ nam tính **moha**] si, si mê.

sammappajāno [chủ cách số ít của danh từ hợp thể **sammappajāna** (sammā + pajāna)] giác tỉnh, chánh trí, sự hiểu biết chân chánh, sự nhận thức đúng đắn.

suvimuttacitto [chủ cách số ít của danh từ hợp thể **savimuttacitta** (savimutta + citta + ṇa)] có tâm khéo giải thoát, người mà tâm được giải thoát hoàn toàn.

anupādiyāno [(na + upādiyāna) _ hình thức giảm lược của hiện tại phân từ **upādiyamāna**] không còn chấp thủ, không chấp trước.

idha [trạng từ] ở đây, đời này (= **idhaloka**).

huraṃ [trạng từ] ở bên kia, đời khác, đời sau (= **paraloka**)

sa [hình thức đổi khác của **so** trong thi kệ. **so** _ chủ cách số ít của chỉ thị đại từ “**ta**” nam tính] vị ấy, người ấy.

*

Việt văn:

Dù nói nhiều kinh điển
dễ dôi không hành trì
như chăn đằm bò người
không hưởng sa môn vị.

(pc 19)

Dù nói ít kinh điển
nhưng nghiêm túc hành pháp
từ bỏ tham, sân, si
chánh trí, tâm giải thoát
không chấp thủ hai đời
hưởng phần sa môn vị.

(pc 20)

Chuyển văn:

Bahum sahitam api ce bhāsamāno pamatto naro na takkarō hoti na sāmāññassa bhāgavā hoti paresam gāvo gaṇayam gopo iva.

Mặc dù nói nhiều kinh điển, người đẽ duôi không hành theo điều đã nói, nó không hưởng được quả vị sa_môn, chỉ ví như kẻ chăn bò đếm bò cho người khác thôi.

Appam sahitam api ce bhāsamāno dhammassa anudhammacārī hoti rāgam ca dosaṃ ca moham ca pahāya idha vā huraṃ vā anupādiyāno sammappajāno savimuttacitto so sāmāññassa bhāgavā hoti.

Mặc dù nói ít kinh điển nhưng nghiêm túc thực hành giáo pháp, từ bỏ tham sân si, không còn chấp thủ đời này hoặc đời sau, có hiểu biết chân chánh, tâm được khéo giải thoát, người ấy hưởng được quả vị sa môn.

*

Lý giải:

Danh từ *sahitam* trong hai bài kệ có nghĩa là Phật ngôn trong tam tạng (*sahitan'ti tepitakassa buddhavacanam etaṃ nāmaṃ*).

Danh từ *sāmāññassa*, là bốn sa môn quả (*sāmāññassaphala*): quả Tu đà hườn (sơ quả), quả Tư đà hàm (nhị quả), quả A na hàm (tam quả), và quả A la hán (tứ quả). Bốn quả vị này còn được gọi là đệ nhất sa môn, đệ nhị sa môn, đệ tam sa môn và đệ tứ sa môn.

Trong hai bài kệ 19 và 20 không phải đức Phật chỉ trích việc học và nói pháp nhiều, cũng không phải Ngài tán thán vị tỳ kheo ít học và ít nói pháp. Ở đây đức Phật thuyết đề cập đến hai trường hợp, vị tỳ kheo pháp sư biết pháp và nói pháp nhiều cho người khác nghe nhưng bản thân vị ấy không hành theo giáo pháp nên không nếm được hương vị giải thoát, còn vị tỳ kheo thiền sư mặc dù học pháp ít và ít thuyết pháp nhưng tinh tấn thực hành giáo pháp là thiền định nên vị ấy nếm được hương vị giải thoát.

Có 4 trường hợp này:

Một vị tỳ kheo học hiểu và thuyết pháp nhiều lại có tu tập, là hạng tối ưu.

Một vị tỳ kheo học hiểu pháp ít và ít thuyết pháp nhưng có tu tập, cũng là hạng đáng tán thán.

Một vị tỳ kheo học hiểu và thuyết pháp nhiều nhưng không tu tập, thì có phần đáng khen cũng có phần đáng chê.

Một vị tỳ kheo ít học pháp, ít thuyết pháp, cũng không thực hành pháp, là hạng hoàn toàn đáng bị chê.

Hạng thứ nhất hoàn toàn đáng được tán thán vì hành lợi người lợi mình.

Hạng thứ hai có phần đáng khen có phần đáng chê vì làm lợi mình nhưng không lợi người; tuy nhiên đáng khen nhiều hơn là đáng chê bởi tự mình nếm được hương vị giáo pháp.

Hạng thứ ba có phần đáng khen cũng có phần đáng chê vì chỉ làm lợi người nhưng không lợi mình; Hạng này đáng khen vì còn có hiểu pháp và truyền bá giáo pháp, đáng chê vì không nếm hương vị giáo pháp.

Hạng thứ tư hoàn toàn đáng bị chê vì không làm lợi người lợi mình. Sự xuất gia của vị ấy không có giá trị.

(Dứt Phẩm Song Đối)

Biên soạn giáo trình: Tỳ khuru Tuệ Siêu